

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Số: 5219/2017/CV-CK-SGW.FI

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

V/v: Giải trình chênh lệch về số liệu trước và sau kiểm toán trong BCTC hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị công bố thông tin: Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại (+848) 62918483 Fax: (+848) 62918489

Mã chứng khoán: SII

Chênh lệch số liệu trên Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	131.716.326.711	127.966.326.711	(3.750.000.000)
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	1.110.274.477.799	1.114.024.477.799	3.750.000.000

Chênh lệch số liệu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	110.692.132.320	110.473.732.320	(218.400.000)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.559.050.873)	(15.340.650.873)	218.400.000

Nguyên nhân chênh lệch:

Tại thời điểm Công ty Cổ phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn công bố BCTC hợp nhất Quý 2 năm 2017 do công ty lập thì chưa có kiểm toán.

Tại thời điểm kiểm toán, quan điểm của kiểm toán cho rằng phải phân loại lại các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ để phản ánh đúng dòng tiền của các hoạt động. Công ty nhận thấy quan điểm của kiểm toán là hợp lý nên đã thực hiện phân loại lại các chỉ tiêu trên bảng lưu chuyển tiền tệ nên có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán nêu trên.

Việc phân loại lại các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và lưu chuyển tiền tệ nêu trên không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cũng như số dư tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của Công ty.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:
+ Như trên
+ Lưu

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Trương Khắc Hoàng



CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Phi Long	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017)
Bà Đặng Thị Thanh Hải	Thành viên (từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017)
Ông Luis Juan Belisario Oreta	Thành viên
Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Khắc Hoàn	Tổng Giám đốc
Bà Giao Thị Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ronnie D.Lim	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 32.08/2017/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2017, từ trang 4 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Lương Xuân Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2013-072-1
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu số B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		674.169.681.917	871.161.236.515
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	289.711.615.596	399.296.556.939
1. Tiền	111		147.511.615.596	397.496.556.939
2. Các khoản tương đương tiền	112		142.200.000.000	1.800.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		172.375.646.887	281.395.557.501
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	94.785.090.835	109.095.937.498
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	23.868.144.760	133.420.066.654
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	4.000.000.000	4.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	49.813.913.378	37.147.955.369
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(91.502.086)	(2.268.402.020)
III. Hàng tồn kho	140		33.065.813.119	29.844.522.552
1. Hàng tồn kho	141	10	33.065.813.119	29.844.522.552
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		179.016.606.315	160.624.599.523
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	8.219.524.132	614.136.538
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		169.421.055.982	160.010.462.985
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12.a	1.376.026.201	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.768.902.640.638	2.566.640.276.468
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		146.453.031.314	145.925.711.378
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	146.453.031.314	145.925.711.378
II. Tài sản cố định	220		1.763.672.412.119	315.628.777.843
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.748.991.017.959	300.303.282.010
- Nguyên giá	222		2.080.338.088.880	363.645.964.934
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(331.347.070.921)	(63.342.682.924)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	14.681.394.160	15.325.495.833
- Nguyên giá	228		16.619.910.084	16.481.055.904
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.938.515.924)	(1.155.560.071)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		381.666.685.645	1.619.011.691.837
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	381.666.685.645	1.619.011.691.837
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	427.802.049.029	445.608.305.759
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16.a	284.648.654.029	302.454.910.759
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16.b	143.153.395.000	143.153.395.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		49.308.462.531	40.465.789.651
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	6.235.644.080	19.859.684.964
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	1.038.363.395	1.029.510.085
3. Lợi thế thương mại	269	18	42.034.455.056	19.576.594.602
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.443.072.322.555	3.437.801.512.983

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu số B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.979.187.555.582	2.159.332.407.232
I. Nợ ngắn hạn	310		325.163.077.783	410.641.513.589
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	131.603.478.007	244.342.990.886
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	38.787.296.000	978.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12.b	1.906.939.460	8.321.742.851
4. Phải trả người lao động	314		1.121.273.172	88.523.888
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	14.857.982.406	17.001.725.153
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	5.490.460.477	1.827.286.076
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23.a	127.966.326.711	133.688.355.684
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.429.321.550	4.392.889.051
II. Nợ dài hạn	330		1.654.024.477.799	1.748.690.893.643
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	24	540.000.000.000	600.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23.b	1.114.024.477.799	1.148.690.893.643
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.463.884.766.973	1.278.469.105.751
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	1.463.884.766.973	1.278.469.105.751
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.160.000.000	583.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.160.000.000	583.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		162.330.434.000	119.923.034.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.278.365.266	9.604.164.796
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		84.763.248	84.763.248
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		185.600.496.670	202.682.617.941
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		199.334.217.001	169.198.608.534
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(13.733.720.331)	33.484.009.407
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		459.430.707.789	362.474.525.766
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.443.072.322.555	3.437.801.512.983

Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 02a- DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	69.300.504.371	71.949.946.119
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		69.300.504.371	71.949.946.119
4. Giá vốn hàng bán	11	27	82.328.238.179	60.616.729.914
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(13.027.733.808)	11.333.216.205
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	18.038.540.476	29.361.698.123
7. Chi phí tài chính	22	29	58.952.280.643	9.722.046.090
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		58.495.095.535	9.655.824.326
8. Phần lãi trong công ty liên doanh liên kết	24		4.444.220.748	5.720.070.480
9. Chi phí bán hàng	25	30	3.125.673.934	1.735.873.510
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	25.016.010.759	14.463.167.455
11. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(77.638.937.920)	20.493.897.753
12. Thu nhập khác	31	32	60.437.500.095	240
13. Chi phí khác	32		480.914.301	1.073.727
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		59.956.585.794	(1.073.487)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(17.682.352.126)	20.492.824.266
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	165.337.251	94.728.207
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	(8.853.310)	(408.110.033)
18. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(17.838.836.067)	20.806.206.092
19. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(13.733.720.331)	24.894.869.588
20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(4.105.115.736)	(4.088.663.496)
21. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	(234)	427

Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 03a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(17.682.352.126)	20.492.824.266
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	41.430.782.504	10.418.638.081
Các khoản dự phòng	03	(2.176.899.934)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.849.063.270)	(35.081.768.603)
Chi phí lãi vay	06	58.495.095.535	9.655.824.326
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	69.217.562.709	5.485.518.070
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	110.473.732.320	(19.134.661.751)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	3.535.998.781	8.707.413.195
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(379.168.219.999)	(54.094.798.854)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	6.694.864.069	119.954.874
Tiền lãi vay đã trả	14	(47.953.699.391)	(9.655.824.326)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.807.179.499)	(26.174.540.988)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.649.644.111)	(3.634.548.989)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(243.656.585.121)	(98.381.488.769)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.340.650.873)	(86.072.117.408)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(43.308.715.311)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	28.655.320.000	44.008.160.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	4.871.153.493
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(29.994.046.184)	(37.192.803.915)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	204.928.697.759	3.691.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	31.372.724.792	60.062.982.577
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(72.235.732.589)	(93.668.444.049)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(18.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	164.065.689.962	(48.814.461.472)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(109.584.941.343)	(184.388.754.156)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	399.296.556.939	331.763.493.782
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	289.711.615.596	147.374.739.626

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày ngày 30 tháng 6 năm 2017

Thông tin bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Ngày 5 tháng 1 năm 2017, Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai. Ngày 9 tháng 1 năm 2017, Công ty nhận số cổ đông theo đó Công ty đã hoàn tất việc đầu tư vào Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 7 năm 2016 và trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai với tỷ lệ nắm giữ là 51% vốn điều lệ.

Dòng tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm (mã số 26) là khoản tiền Công ty thu được từ nghiệp vụ thanh lý công ty liên kết - Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

Dòng tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu trong kỳ (mã số 31) là khoản tiền Công ty thu được từ việc phát hành bổ sung cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd. (xem thêm tại thuyết minh số 25).



Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 08 năm 2004 và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.160.000.000 VND, được chia thành 64.516.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“gọi tắt là Công ty CIH”) với tỷ lệ sở hữu là 50,61%.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hoạt động thiết kế chuyên dụng; tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật); thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải, bán buôn thiết bị cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải; bán buôn vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường; bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp); dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính); lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; nuôi trồng thủy sản; sản xuất máy móc - thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; chuẩn bị mặt bằng; hoạt động thiết kế chuyên dụng; cho thuê máy móc thiết bị, vật tư ngành điện, nước, nuôi trồng thủy sản; gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; lập dự án đầu tư, tư vấn, chuyển giao công nghệ, dịch vụ tư vấn và xử lý môi trường; sản xuất sản phẩm từ plastic; thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; lắp đặt hệ thống điện; mua bán thiết bị cấp - thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải - môi trường, mua bán vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường, mua bán hóa chất; thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ngày 3 tháng 1 năm 2017, Công ty đã thành lập Công TNHH MTV Đầu tư Nước SGN, vốn điều lệ là 240 tỷ đồng. Trong kỳ, Công ty đã góp 170 tỷ vốn điều lệ.

Ngày 5 tháng 1 năm 2017, Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ngày 9 tháng 1 năm 2017, Công ty nhận sở cổ đông theo đó Công ty đã hoàn tất việc đầu tư vào Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 7 năm 2016 và trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai với tỷ lệ nắm giữ là 51% vốn điều lệ.

Ngày 21 tháng 4 năm 2017, Công ty đã thực hiện bán toàn bộ 1.432.900 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa. Do đó, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa không còn là Công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào chín (09) công ty con và một (01) công ty liên doanh, liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Các công ty được đầu tư trực tiếp bởi Công ty:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty con				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Tp. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	90,00%	90,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55,00%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty TNHH Cấp thoát Nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước châu Á	Tp. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và
6. Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - Cần Thơ	Tp. Hồ Chí Minh	77,00%	77,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
7. Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
8. Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Lai (*)	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
9. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (**)	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	70,83%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Các công ty liên doanh, liên kết

1. Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
----------------------------------	-----------------	-----	-----	-----------------------------------

(*) Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai chính thức là công ty con của Công ty vào ngày 5 tháng 1 năm 2017.

(**) Công ty con này đang trong giai đoạn góp vốn.

Công ty liên kết đầu tư gián tiếp thông qua công ty con – Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Cấp Nước Cần Thơ	Tp. Cần Thơ	31,21%	34,59%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con đồng nhất.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ và được trình bày là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, giá trị của khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của Công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là khoảng 10 năm. Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc có thời hạn thu hồi còn lại dưới 3 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	07 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08
Vườn cây lâu năm	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 03 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Trái phiếu phát hành

Các khoản trái phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính trên cơ sở giá trị thuần bằng giá trị của trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) chiết khấu trái phiếu cộng (+) các khoản phụ trội của trái phiếu.

Các khoản chiết khấu và phụ trội của trái phiếu được theo dõi chi tiết theo từng loại trái phiếu phát hành và phân bổ vào chi phí đi vay hàng kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	631.337.267	266.862.765
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	146.880.278.329	397.229.694.174
Các khoản tương đương tiền	142.200.000.000	1.800.000.000
Cộng	289.711.615.596	399.296.556.939

Các khoản tương đương tiền là số dư tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dưới 3 tháng tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật & Xây dựng Tuấn Lộc	44.684.398.305	56.206.615.305
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")	22.583.598.086	12.546.152.630
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước Lâm Đồng	10.459.140.573	7.924.363.493
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng	8.645.251.913	8.605.101.805
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	156.582.472	12.765.332.472
Các khoản phải thu khác	8.256.119.486	11.048.371.793
Cộng	94.785.090.835	109.095.937.498
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CII E&C	22.583.598.086	12.546.152.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Đà Nẵng	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Thiết Kế XD TM Thiên Minh	4.603.500.000	-
Công ty TNHH Giải pháp CSI	2.131.009.650	145.179
HeBei Shengtian Pipe-Fitting Group Co.,Ltd	1.365.600.000	-
Công ty TNHH TM DV Thiên Hy Niên	1.243.737.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Quang Minh	1.076.240.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	-	121.176.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nước và Môi trường Đại Việt	-	3.998.902.128
Các khoản trả trước khác	3.448.058.110	8.245.019.347
Cộng	23.868.144.760	133.420.066.654

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2	4.000.000.000	4.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Khoản hỗ trợ vốn - Công ty Cổ phần Licogi 16	13.000.000.000	-
Phải thu người lao động	12.371.120.936	9.042.810.817
Phải thu cổ tức từ Công ty Cổ phần B.O.O Nước		
Thủ Đức	7.364.052.000	-
Phải thu các khoản chi hộ	1.992.441.000	1.992.441.000
Ký cược, ký quỹ	5.186.470.155	1.924.161.485
Phải thu tiền từ chuyển nhượng dự án đầu tư - Công ty CII (i)	4.839.160.575	23.160.462.296
Phải thu về cổ phần hóa	2.285.795.479	-
Các khoản phải thu khác	2.774.873.233	1.028.079.771
Cộng	49.813.913.378	37.147.955.369
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Phải thu Công ty CII	4.839.160.575	23.160.462.296
b. Dài hạn		
Phải thu tiền từ chuyển nhượng dự án đầu tư - Công ty CII (i)	141.295.510.800	141.295.510.800
Ký cược, ký quỹ dài hạn	5.157.520.514	4.630.200.578
Cộng	146.453.031.314	145.925.711.378
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Phải thu Công ty CII	141.295.510.800	141.295.510.800

(i) Số dư phải thu Công ty CII tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là khoản phải thu từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào dự án Diamond Riverside. Theo biên bản thỏa thuận ngày 3 tháng 11 năm 2016, tổng giá trị chuyển nhượng là 282.591.021.600 VND. Công ty CII đã thanh toán 50% năm 2016, 50% còn lại sẽ được thanh toán trước ngày 31 tháng 8 năm 2018. Theo phụ lục hợp đồng ngày 21 tháng 4 năm 2017, kể từ ngày 1 tháng 5 năm 2017, Công ty CII phải Thanh toán lãi chậm trả theo lãi suất cho vay tại Ngân hàng Công thương – Chi nhánh 11, lãi suất cho vay tại thời điểm ký phụ lục là 9,1%/năm.

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.694.064.052	-	10.162.829.191	-
Công cụ, dụng cụ	605.509.253		517.678.454	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.669.324.514	-	19.067.099.607	-
Hàng hóa	96.915.300	-	96.915.300	-
Cộng	33.065.813.119	-	29.844.522.552	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay dự án Củ Chi giai đoạn I	7.533.598.041	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	129.117.278	220.963.062
Chi phí mua bảo hiểm	118.967.523	77.946.506
Chi phí tư vấn	92.997.659	92.997.659
Chi phí thuê xe	48.000.000	48.000.000
Chi phí trả trước khác	296.843.631	174.229.311
Cộng	8.219.524.132	614.136.538
b. Dài hạn		
Chi phí lãi vay dự án Củ Chi giai đoạn I	-	15.067.196.083
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.376.241.702	3.816.823.551
Chi phí thuê đất	788.322.142	-
Phần mềm	50.440.909	-
Chi phí sửa chữa nhà máy, văn phòng	329.031.188	530.516.437
Chi phí trả trước dài hạn khác	691.608.139	445.148.893
Cộng	6.235.644.080	19.859.684.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước

	01/01/2017	Số phải thu, nộp	Số đã được khấu	30/06/2017
	VND	thừa trong kỳ	trừ, được hoàn	VND
		VND	trong kỳ	
			VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	1.415.328.161	1.229.907.625	185.420.536
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.171.843.338	52.509.394	1.119.333.944
Thuế thu nhập cá nhân	-	151.721.583	80.449.862	71.271.721
Cộng	-	2.738.893.082	1.362.866.881	1.376.026.201

b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	01/01/2017	Số phải nộp	Số thực nộp	30/06/2017
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	3.275.904.141	3.576.394.571	6.658.711.682	193.587.030
Thuế nhập khẩu	-	34.499.151	34.499.151	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.755.901.735	112.827.857	3.807.179.499	61.550.093
Thuế thu nhập cá nhân	304.729.650	1.196.273.902	1.388.741.131	112.262.421
Thuế tài nguyên	58.820.645	508.988.258	492.872.407	74.936.496
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.400.959.840	2.626.950.388	774.009.452
Lệ phí và các khoản thuế khác phải nộp	926.386.680	7.353.295.654	7.589.088.366	690.593.968
Cộng	8.321.742.851	16.183.239.233	22.598.042.624	1.906.939.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2017	68.333.784.458	99.988.142.856	194.163.124.832	609.368.788	551.544.000	363.645.964.934
Mua trong kỳ	-	125.100.000	-	355.000.000	-	480.100.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	96.534.432.481	-	1.243.464.770.209	-	-	1.339.999.202.690
Tăng từ mua Công ty con (i)	95.421.122.521	91.029.705.826	190.381.134.909	269.948.909	-	377.101.912.165
Giảm khác	-	-	(889.090.909)	-	-	(889.090.909)
Tại ngày 30/06/2017	260.289.339.460	191.142.948.682	1.627.119.939.041	1.234.317.697	551.544.000	2.080.338.088.880
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2017	9.946.750.537	28.866.626.329	24.212.109.208	214.364.350	102.832.500	63.342.682.924
Khấu hao trong kỳ	5.416.773.752	5.047.940.382	27.137.884.770	108.832.752	75.174.000	37.786.605.656
Tăng từ mua Công ty con (i)	52.129.813.437	63.428.208.747	114.453.912.267	205.847.890	-	230.217.782.341
Tại ngày 30/06/2017	67.493.337.726	97.342.775.458	165.803.906.245	529.044.992	178.006.500	331.347.070.921
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2017	58.387.033.921	71.121.516.527	169.951.015.624	395.004.438	448.711.500	300.303.282.010
Tại ngày 30/06/2017	192.796.001.734	93.800.173.224	1.461.316.032.796	705.272.705	373.537.500	1.748.991.017.959

(i): Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1, Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai đã trở thành công ty con của Công ty từ ngày 5 tháng 1 năm 2017.

- Nguyên giá tài sản cố định đem đi thế chấp: Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị và một số phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay và nợ (xem chi tiết tại Thuyết minh số 23).

- Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 4.759.491.822 VND (31 tháng 12 năm 2016: 1.665.798.564 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	2.769.700.000	13.711.355.904	16.481.055.904
Mua trong kỳ	-	90.354.180	90.354.180
Tăng từ mua Công ty con (i)	-	48.500.000	48.500.000
Tại ngày 30/06/2017	2.769.700.000	13.850.210.084	16.619.910.084
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	-	1.155.560.071	1.155.560.071
Khấu hao trong kỳ	-	744.939.052	744.939.052
Tăng từ mua Công ty con (i)	-	38.016.801	38.016.801
Tại ngày 30/06/2017	-	1.938.515.924	1.938.515.924
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	2.769.700.000	12.555.795.833	15.325.495.833
Tại ngày 30/06/2017	2.769.700.000	11.911.694.160	14.681.394.160

(i): Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1, Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai đã trở thành công ty con của Công ty từ ngày 5 tháng 1 năm 2017.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi (i)	360.548.309.030	1.606.875.947.080
Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn thị xã An Khê và vùng phụ cận tỉnh Gia Lai, công suất 9.500 m ³ /ngày đêm (ii)	11.969.804.102	8.307.349.324
Đầu tư xây dựng mới nhà máy nước Sài Gòn - Mê Kông công suất 50.000 m ³ /ngày đêm (iii)	6.935.235.648	3.235.373.264
Chi phí nâng cấp hệ thống đường ống của xung quanh Nhà máy Nước Gia Lai	1.600.901.411	-
Chi phí xây dựng cơ bản hệ thống đường ống xung quanh Nhà máy Nước Pleiku	612.435.454	593.022.169
Cộng	381.666.685.645	1.619.011.691.837

(i) Dự án được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước là 600 tỷ đồng, được thực hiện theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 triển khai trong năm 2015 với tổng mức vốn dự kiến là 1.657.957.072.479 đồng, giai đoạn 2 thực hiện từ năm 2016 đến năm 2019 với tổng mức vốn dự kiến là 1.004.305.295.507 đồng. Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án này trong tương lai đã được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay và nợ dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 24.

(ii) Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước được thực hiện trên địa bàn thị xã An Khê và vùng phụ cận Gia Lai. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 160,93 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu là 40 tỷ đồng. Thời gian đầu tư dự án là từ quý 3 năm 2016 đến hết quý 3 năm 2017 và dự kiến đưa vào vận hành, khai thác từ quý 4 năm 2017. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm.

(iii) Dự án được thực hiện tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 298,6 tỷ VND. Thời gian đầu tư dự án là từ quý 2 năm 2016 đến quý 2 năm 2017 và dự kiến đưa vào vận hành, khai thác từ quý 3 năm 2017. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

a. Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Lợi nhuận sau	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Lợi nhuận sau	Giá trị hợp lý
	VND	ngày đầu tư VND		VND	ngày đầu tư VND	
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	147.202.880.000	18.608.236.420	(i)	147.202.880.000	13.341.764.670	(i)
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	119.659.788.611	(822.251.002)	(i)	119.659.788.611	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	-	-	(i)	21.435.500.000	814.977.478	(i)
Cộng	266.862.668.611	17.785.985.418		288.298.168.611	14.156.742.148	
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ		284.648.654.029			302.454.910.759	

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND		VND	VND	
Công ty CP BOO Nước Thủ Đức	143.153.395.000	-	(i)	143.153.395.000	-	(i)
Cộng	143.153.395.000	-		143.153.395.000	-	

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn và đơn vị khác không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực
hiện bị loại trừ khi hợp nhất
VND

Tại ngày 01/01/2016	1.038.363.395
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	8.853.310
Tại ngày 01/01/2017	<u>1.029.510.085</u>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(8.853.310)
Tại ngày 30/06/2017	<u>1.038.363.395</u>
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	<u>(8.853.310)</u>

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Giá trị ghi sổ
VND

NGUYỄN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2017	32.706.500.204
Tăng trong kỳ	25.357.098.250
Tại ngày 30/06/2017	<u>58.063.598.454</u>
HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2017	13.129.905.602
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	2.899.237.796
Tại ngày 30/06/2017	<u>16.029.143.398</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2017	19.576.594.602
Tại ngày 30/06/2017	<u>42.034.455.056</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	46.069.912.740	46.069.912.740	100.762.504.540	100.762.504.540
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")	39.946.135.594	39.946.135.594	75.156.687.257	75.156.687.257
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Kỹ Thuật Việt	7.609.356.480	7.609.356.480	19.286.959.362	19.286.959.362
Công ty TNHH Hóa nhựa Đệ Nhất	5.897.113.195	5.897.113.195	15.107.778.033	15.107.778.033
Công ty Cổ phần Nhựa Minh Hùng	4.160.400.036	4.160.400.036	9.660.400.036	9.660.400.036
Công ty Cổ phần Đầu tư Lotas	4.531.876.220	4.531.876.220	7.256.152.320	7.256.152.320
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	2.883.732.143	2.883.732.143	3.246.767.762	3.246.767.762
XyLem Water Solutions (HongKong) Limited	8.232.619.003	8.232.619.003	-	-
Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Thủy lợi	2.086.534.800	2.086.534.800	-	-
Công ty TNHH Giải pháp Môi trường và Nước Việt	1.347.756.593	1.347.756.593	-	-
Các nhà cung cấp khác	8.838.041.203	8.838.041.203	13.865.741.576	13.865.741.576
Cộng	131.603.478.007	131.603.478.007	244.342.990.886	244.342.990.886
<i>Trong đó, phải trả cho người bán là các bên liên quan</i>				
Công ty CII E&C	39.946.135.594	39.946.135.594	75.156.687.257	75.156.687.257
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	-	587.860.000	587.860.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần LICOGI 16	33.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	4.608.000.000	-
Các đối tượng khác	1.179.296.000	978.000.000
Cộng	38.787.296.000	978.000.000

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	11.625.487.721	12.116.898.254
Trích trước chi phí dự án	2.701.045.293	3.851.539.793
Chi phí tạm tính giá vốn công trình	-	655.093.937
Các khoản trích trước khác	531.449.392	378.193.169
Cộng	14.857.982.406	17.001.725.153

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Mượn tiền Ông Lê An Bình	4.309.000.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	833.789.000	833.789.000
Kinh phí công đoàn	75.702.208	-
Cổ tức phải trả	-	389.000.000
Bảo hiểm xã hội	-	364.395.725
Các khoản khác	271.969.269	240.101.351
Cộng	5.490.460.477	1.827.286.076

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Ngắn hạn

	30/06/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng HD Bank (i)	41.800.000.000	41.800.000.000	-	18.200.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng Vietinbank - CN 11 (ii)	17.803.385.758	17.803.385.758	21.803.385.758	4.000.000.000	-	-
Ngân hàng VP Bank - CN Tp. Hồ Chí Minh	-	-	1.100.000.000	32.678.113.589	31.578.113.589	31.578.113.589
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành	-	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Cộng	59.603.385.758	59.603.385.758	22.903.385.758	63.878.113.589	100.578.113.589	100.578.113.589
Cộng: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	68.362.940.953	68.362.940.953	-	-	33.110.242.095	33.110.242.095
Ngân hàng Vietinbank - CN Lâm Đông	10.798.000.000	10.798.000.000	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng ACB - CN Tân Bình	349.992.667	349.992.667	-	-	350.004.000	350.004.000
Ngân hàng VP Bank - CN Tp. Hồ Chí Minh	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Ngân hàng Vietinbank - CN 11	45.780.714.286	45.780.714.286	-	-	15.260.238.095	15.260.238.095
Ngân hàng Phát triển Châu Á - ADB	1.099.234.000	1.099.234.000	-	-	-	-
Ngân hàng Agribank - CN Gia Lai	335.000.000	335.000.000	-	-	-	-
Tổng cộng	127.966.326.711	127.966.326.711	-	-	133.688.355.684	133.688.355.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Dài hạn

	30/06/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay Ngân hàng						
Vietinbank - CN 11 (iii)	640.930.000.000	640.930.000.000	-	-	640.930.000.000	640.930.000.000
VPbank - CN Tp. Hồ Chí Minh (iv)	99.684.307.738	99.684.307.738	-	2.500.000.000	102.184.307.738	102.184.307.738
Vietinbank - CN. Lâm Đồng (v)	56.402.000.000	56.402.000.000	-	4.998.000.000	61.400.000.000	61.400.000.000
Phát triển Châu Á - ADB (vi)	7.694.635.014	7.694.635.014	8.244.252.014	549.617.000	-	-
ACB - CN Tân Bình (vii)	758.326.000	758.326.000	-	175.002.000	933.328.000	933.328.000
Agribank - CN Gia Lai (viii)	335.000.000	335.000.000	470.000.000	135.000.000	-	-
Trái phiếu phát hành						
Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng						
VIB - CN Tp. HCM	380.000.000.000	380.000.000.000	-	-	380.000.000.000	380.000.000.000
Chi phí phát hành	(3.416.850.000)	(3.416.850.000)	(244.912.980)	(474.562.980)	(3.646.500.000)	(3.646.500.000)
Cộng	1.182.387.418.752	1.182.387.418.752	8.469.339.034	7.883.056.020	1.181.801.135.738	1.181.801.135.738
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(68.362.940.953)	(68.362.940.953)			(33.110.242.095)	(33.110.242.095)
<i>Vietinbank - CN. Lâm Đồng</i>	<i>(10.798.000.000)</i>	<i>(10.798.000.000)</i>	-	-	<i>(10.000.000.000)</i>	<i>(10.000.000.000)</i>
<i>ACB - CN Tân Bình</i>	<i>(349.992.667)</i>	<i>(349.992.667)</i>	-	-	<i>(350.004.000)</i>	<i>(350.004.000)</i>
<i>VPbank - CN Tp. Hồ Chí Minh</i>	<i>(10.000.000.000)</i>	<i>(10.000.000.000)</i>	-	-	<i>(7.500.000.000)</i>	<i>(7.500.000.000)</i>
<i>Vietinbank - CN 11</i>	<i>(45.780.714.286)</i>	<i>(45.780.714.286)</i>	-	-	<i>(15.260.238.095)</i>	<i>(15.260.238.095)</i>
<i>Ngân hàng Phát triển Châu Á - ADB</i>	<i>(1.099.234.000)</i>	<i>(1.099.234.000)</i>	-	-	-	-
<i>Agribank - CN Gia Lai</i>	<i>(335.000.000)</i>	<i>(335.000.000)</i>	-	-	-	-
Tổng cộng	1.114.024.477.799	1.114.024.477.799			1.148.690.893.643	1.148.690.893.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(i) Khoản vay HDBank theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2774/HĐTĐNH-DN/068 ngày 14 tháng 7 năm 2016. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, khoản vay này nhằm mục đích bổ sung vốn hợp tác đầu tư với Công ty con – Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/16-HĐĐT-SGW ngày 16 tháng 5 năm 2016. Lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Công ty đã sử dụng 409.114 Cổ phần Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức và 6.310.400 Cổ phần Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Long An do Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro nắm giữ để thế chấp khoản vay này.

(ii) Khoản vay theo hạn mức tín dụng từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11 với hạn mức 50.000.000.000 VND, thời hạn vay không quá 8 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm cộng với biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thực hiện Công trình "Thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp thuộc Dự án BOO Nhà máy nước Phú Ninh". Công ty sử dụng các quyền đòi nợ, quyền thụ hưởng số tiền đòi nợ, quyền sử dụng và khai thác... của Công ty phát sinh từ Hợp đồng liên danh thực hiện cung cấp hàng hóa và xây lắp "Dự án BOO Nhà máy nước Phú Ninh" trị giá 129.682.483.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(iii) Ngày 2 tháng 10 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay là 640.930.000.000 VND. Khoản vay được dùng để chi trả các chi phí cho nhà cung cấp liên quan đến dự án Xã hội hóa phát triển hệ thống cấp nước tại huyện Củ Chi. Khoản vay này có thời hạn trong vòng 126 tháng bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng. Khoản vay chịu lãi suất 10,5%/năm tại ngày ký hợp đồng, sau đó mức lãi suất này sẽ thay đổi định kỳ 3 tháng/lần với bằng lãi suất huy động 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng biên độ 2,3%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án, bao gồm các hạng mục công trình, các khoản thanh toán từ các giao dịch cho thuê, cung cấp sản phẩm của dự án, chuyển nhượng, tiền bảo hiểm, quyền kinh doanh và khai thác tài sản của dự án để thế chấp cho khoản vay này.

(iv) Ngày 3 tháng 6 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay là 109.000.000.000 VND, giải ngân theo nhu cầu tại từng thời điểm. Khoản vay này có thời hạn trong vòng 96 tháng bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng và sẽ được trả gốc hàng quý, bắt đầu từ ngày 5 tháng 6 năm 2016 đến ngày 5 tháng 6 năm 2022. Khoản vay chịu lãi suất 9,43%/năm cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 11 năm 2014 đến ngày 4 tháng 12 năm 2014, sau đó, mức lãi suất này sẽ thay đổi định kỳ 3 tháng 1 lần bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng VND trả lãi cuối kỳ trung bình của 4 ngân hàng (VCB, ACB, Saccombank và VPBank) tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 03%/năm. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất tại thôn 3, xã Biển Hồ, thành phố Pleiku; toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án nhà máy cấp nước công suất 30.000 m³/ngày tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ việc bán nước sạch cho Công ty TNHH MTV Cấp Nước Gia Lai để thế chấp cho khoản vay này.

(v) Số dư khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được sử dụng với mục đích mua lại nhà máy cấp nước Đankia 2. Hạn mức khoản vay là 90.000.000.000 VND với thời hạn 9 năm, lãi suất trong năm đầu tiên là 12%/năm, kể từ năm thứ 2 lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở theo từng thời kỳ cộng biên độ 3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất thửa đất số 04, 407, 17, tài sản gắn liền với đất tại xã Lát, huyện Lạc Dương, phường 7, Thành phố Đà Lạt. Đây là đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

(vi) Ngày 20 tháng 12 năm 2007, Công ty đã ký Khế ước nhận nợ với Ngân hàng Phát triển Châu Á-ADB, trị giá 16.488.497.014 VND. Khoản vay được trả trong vòng 25 năm kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 0%/năm cộng với 0,2%/năm phí quản lý. Đây là khoản vay không thế chấp.

(vii) Ngày 3 tháng 8 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu trị giá 1.400.000.000 VND, khoản vay được sử dụng để thanh toán tiền mua xe ô tô Mazda CX9. Khoản vay được trả trong vòng 48 tháng. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 8,7%/năm, thay đổi định kỳ 3 tháng/lần. Công ty sử dụng xe ô tô Mazda CX9 AWD để thế chấp cho khoản vay này.

(viii) Ngày 11 tháng 11 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai trị giá 1.230.000.000 VND. Khoản vay được trả trong vòng 56 tháng, ân hạn 2 tháng. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 12%/năm, thay đổi định kỳ 3 tháng/lần. Khoản vay dùng để đầu tư bể chứa nước 600m³ tại Thị xã AyunPa. Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai là bể chứa nước 600m³ tại thị xã AyunPa (trị giá 1.815.018.182 VND) để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Trong vòng một năm	68.362.948.286	33.110.242.095
Trong năm thứ hai	150.335.138.762	83.890.956.381
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	294.963.200.213	291.756.177.143
Sau năm năm	292.142.988.824	396.690.260.119
Cộng	805.804.276.085	805.447.635.738
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(68.362.948.286)	(33.110.242.095)
Số phải trả sau 12 tháng	737.441.327.799	772.337.393.643

Thông tin bổ sung cho trái phiếu phát hành

Trái phiếu 380 tỷ phát hành cho Ngân hàng VIB – chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

- Loại trái phiếu: trái phiếu thường không chuyển đổi;
- Mệnh giá: 380.000.000.000 VND;
- Ngày phát hành: 23 tháng 12 năm 2016;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm.
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 3 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến Trái phiếu;
- Lãi suất: Lãi suất trong 4 kỳ đầu tiên là 9%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VIB + biên độ 2,8%/năm;
- Mục đích: 160 tỷ đồng trái phiếu được sử dụng để đầu tư giai đoạn 2 dự án Củ Chi và 220 tỷ đồng sẽ được sử dụng để góp vốn thành lập công ty TNHH.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho trái phiếu phát hành (tiếp theo)

Công ty đã sử dụng cổ phần của một số công ty con để cầm cố, thế chấp cho trái phiếu phát hành, cụ thể:

	Số lượng cổ phần	Tổng mệnh giá VND
Công ty CP Cấp nước Sài Gòn Đankia	9.000.000	90.000.000.000
Công ty CP Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	4.950.000	49.500.000.000
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	25.500	2.550.000.000
Công ty CP Giải pháp Mạng nước Châu Á	1.020.000	10.200.000.000

Ngoài ra Công ty đã thế chấp phần vốn góp với giá trị là 321,174 tỷ đồng trong Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Củ Chi để thế chấp cho trái phiếu phát hành trên.

Trái phiếu trên sẽ được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Trong vòng một năm	-	-
Trong năm thứ hai	125.000.000.000	125.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	255.000.000.000	255.000.000.000
Sau năm năm	-	-
Cộng	380.000.000.000	380.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	-	-
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(3.416.850.000)	(3.646.500.000)
Số phải trả sau 12 tháng	376.583.150.000	376.353.500.000

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi	540.000.000.000	600.000.000.000

Số dư khoản doanh thu chưa thực hiện dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là số tiền mà Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ không hoàn lại cho Công ty theo công văn số 826/TB - VP ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản hỗ trợ này sẽ được sử dụng để bù đắp chênh lệch giữa giá phí nước sạch thực tế mà Công ty cung cấp và giá phí nước sạch được Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố duyệt khi bán cho các hộ dân trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ vào thu nhập khác trong vòng 5 năm, năm 2017 là năm phân bổ đầu tiên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	583.700.000.000	119.923.034.000	2.596.429.014	84.763.248	184.457.567.484	379.250.818.084	1.270.012.611.830
NCI đầu tư vào công ty con						5.701.000.000	5.701.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	33.484.009.407	(3.390.769.211)	30.093.240.196
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(18.900.000.000)	(18.900.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.007.735.782	-	(7.194.258.890)	186.523.108	-
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(8.064.700.060)	(373.046.215)	(8.437.746.275)
Tại ngày 01/01/2017	583.700.000.000	119.923.034.000	9.604.164.796	84.763.248	202.682.617.941	362.474.525.766	1.278.469.105.751
Tăng vốn trong kỳ	61.460.000.000	42.407.400.000	-	-	-	-	103.867.400.000
NCI đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	101.061.297.759	101.061.297.759
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(13.733.720.331)	(4.105.115.736)	(17.838.836.067)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.674.200.470	-	(1.674.200.470)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(1.674.200.470)	-	(1.674.200.470)
Tại ngày 30/06/2017	645.160.000.000	162.330.434.000	11.278.365.266	84.763.248	185.600.496.670	459.430.707.789	1.463.884.766.973

Tại ngày 21 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016. Theo đó, Công ty trích lập quỹ đầu tư và phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và không chia cổ tức năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phần

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng Cổ phần đăng ký phát hành	64.516.000	58.370.000
Số lượng Cổ phần đã bán ra công chúng	64.516.000	58.370.000
+ Cổ phần phổ thông	64.516.000	58.370.000
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng Cổ phần đang lưu hành	64.516.000	58.370.000
+ Cổ phần phổ thông	64.516.000	58.370.000
+ Cổ phần ưu đãi	-	-

Mệnh giá Cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty mẹ	326.547.500.000	326.547.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	318.612.500.000	257.152.500.000
Cộng	645.160.000.000	583.700.000.000

Trong kỳ, Công ty đã phát hành bổ sung 6.146.000 cổ phiếu riêng lẻ (tương ứng 61.460.000.000 VND) cho nhà đầu tư chiến lược là Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd. theo Nghị quyết số 01 Đại hội đồng cổ đông thường năm 2016 ngày 21 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết số 08 Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 5 năm 2017, tăng vốn điều lệ từ 583.700.000.000 VND lên 645.160.000.000 VND.

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	56.254.670.686	31.514.371.856
Doanh thu dịch vụ cung cấp, lắp đặt vật tư, thiết bị ngành nước, xử lý môi trường	11.809.082.760	35.887.838.003
Doanh thu tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch và các dịch vụ liên quan	1.236.750.925	4.547.736.260
Cộng	69.300.504.371	71.949.946.119

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	71.367.902.704	26.280.873.401
Giá vốn dịch vụ cung cấp, lắp đặt vật tư, thiết bị xử lý môi trường	10.428.347.123	29.458.356.728
Giá vốn tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch và các dịch vụ liên quan	531.988.352	4.877.499.785
Cộng	82.328.238.179	60.616.729.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.364.052.000	16.761.024.832
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	6.404.842.522	8.732.549.798
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.269.645.954	3.868.123.493
Cộng	18.038.540.476	29.361.698.123

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	58.495.095.535	9.655.824.326
Chi phí phát hành trái phiếu	219.797.368	-
Chi phí tài chính khác	237.387.740	66.221.764
Cộng	58.952.280.643	9.722.046.090

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên	2.128.955.934	1.542.070.766
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	-	39.791.416
Chi phí khấu hao tài sản cố định	480.081.642	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.104.851	60.474.027
Chi phí khác bằng tiền	498.531.507	93.537.301
Cộng	3.125.673.934	1.735.873.510

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên	10.257.670.634	5.271.369.343
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	2.899.237.796	1.631.382.884
Chi phí đồ dùng văn phòng	294.275.383	-
Chi phí khấu hao	1.611.557.005	-
Tiền thuê đất, thuế, phí và lệ phí	1.399.145.772	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.176.798.000	-
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.377.326.169	7.560.415.228
Cộng	25.016.010.759	14.463.167.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

32. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Khoản hỗ trợ không hoàn lại của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cho Dự án nước Củ Chi	60.000.000.000	-
Thu nhập khác	437.500.095	240
Cộng	60.437.500.095	240

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(17.682.352.126)	20.492.824.266
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(10.993.295.270)	
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(7.364.052.000)	(16.761.024.832)
<i>Lợi nhuận từ Công ty liên kết</i>	(4.444.220.748)	(5.720.070.480)
<i>Lãi thanh lý Công ty liên kết bị loại trừ khi hợp nhất</i>	814.977.478	3.526.866.202
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	30.932.204.534	
<i>Phân bổ lợi thế thương mại</i>	2.899.237.796	1.631.382.884
<i>Lợi nhuận chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất</i>	44.266.547	2.040.550.164
<i>Lỗ tính thuế của Công ty mẹ và các Công ty con bị bù trừ khi hợp nhất</i>	27.967.420.191	7.606.202.196
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	21.280.000	579.138.499
Thu nhập chịu thuế	2.256.557.138	13.395.868.899
Lỗ tính thuế mang sang	-	(13.184.774.834)
Thu nhập tính thuế	2.256.557.138	211.094.065
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế suất thuế thông thường	20%	20%
Thuế suất ưu đãi từ dự án đầu tư (i)	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	225.655.714	42.218.813
Thuế TNDN được miễn giảm	(112.827.857)	-
Thuế TNDN bị truy thu	52.509.394	52.509.394
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	165.337.251	94.728.207

(i) Hoạt động kinh doanh nước sạch của Công ty có tính chất xã hội hóa nên được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định hiện hành: hưởng thuế suất thuế ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm và được miễn thuế 4 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế, đồng thời giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chịu thuế suất 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	(13.733.720.331)	24.894.869.588
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	(13.733.720.331)	24.894.869.588
Cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm	58.675.602	58.370.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(234)</u>	<u>427</u>

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau, theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh (hay theo lĩnh vực kinh doanh).

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoạt động chủ yếu của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Bộ phận tư vấn, thi công : Tư vấn, thi công, cung cấp, lắp đặt các thiết bị xử lý môi trường.
Bộ phận kinh doanh nước sạch : Cung cấp nước sạch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017:

Chỉ tiêu	Tư vấn, thi công công trình VND	Kinh doanh nước sạch VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	13.045.833.685	56.254.670.686	-	69.300.504.371
Doanh thu thuần từ hoạt động đầu tư tài chính	-	-	-	-
Tổng doanh thu	13.045.833.685	56.254.670.686	-	69.300.504.371
Giá vốn				
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	10.960.335.475	71.367.902.704	-	82.328.238.179
Chi phí hoạt động tài chính	-	-	-	-
Tổng chi phí	10.960.335.475	71.367.902.704	-	82.328.238.179
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.085.498.210	(15.113.232.018)	-	(13.027.733.808)
Doanh thu hoạt động tài chính				18.038.540.476
Chi phí tài chính				58.952.280.643
Phần lãi trong công ty liên doanh liên kết				4.444.220.748
Chi phí bán hàng				3.125.673.934
Chi phí quản lý doanh nghiệp				25.016.010.759
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh				(77.638.937.920)
Thu nhập khác				60.437.500.095
Chi phí khác				480.914.301
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				165.337.251
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(8.853.310)
Tổng lợi nhuận sau thuế				(17.838.836.067)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016:

Chỉ tiêu	Tư vấn, thi công	Kinh doanh nước sạch	Loại trừ nội bộ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	40.435.574.263	31.514.371.856	-	71.949.946.119
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	5.937.980.568	-	(5.937.980.568)	-
Tổng doanh thu	46.373.554.831	31.514.371.856	(5.937.980.568)	71.949.946.119
Giá vốn				
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	34.335.856.513	26.280.873.401	-	60.616.729.914
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	3.897.430.404	-	(3.897.430.404)	-
Tổng chi phí	34.335.856.513	26.280.873.401	(3.897.430.404)	60.616.729.914
Kết quả kinh doanh bộ phận	12.037.698.318	5.233.498.455	(2.040.550.164)	11.333.216.205
Doanh thu hoạt động tài chính				29.361.698.123
Chi phí tài chính				9.722.046.090
Phần lãi trong công ty liên doanh liên kết				5.720.070.480
Chi phí bán hàng				1.735.873.510
Chi phí quản lý doanh nghiệp				14.463.167.455
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh				20.493.897.753
Thu nhập khác				240
Chi phí khác				1.073.727
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				94.728.207
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(408.110.033)
Tổng lợi nhuận sau thuế				20.806.206.092

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư nước Tân Hiệp	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty cùng tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Từ 01/01/2017
đến 30/06/2017
VND

Giao dịch với Công ty CII E&C

Bán hàng trong năm 9.113.274.960

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII

Mua hàng và dịch vụ phải trả 995.581.818

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia

Thuê thuê văn phòng và phí quản lý 511.183.060

Số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

30/06/2017
VND

Số dư với Công ty CII

Phải thu ngắn hạn khác 4.839.160.575

Phải thu dài hạn khác 141.295.510.800

Số dư với Công ty CII E&C

Phải trả người bán ngắn hạn 39.946.135.594

Số dư với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII

Phải trả người bán ngắn hạn 995.581.818

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND</u>
---	---

Lương và thưởng	<u>1.061.201.462</u>	<u>1.532.491.154</u>
-----------------	----------------------	----------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 1 tháng 8 năm 2017, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 7 năm 2017, thay đổi vốn điều lệ từ 583.700.000.000 VND lên 645.160.000.000 VND.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc